

Bản án số: 51/2018HS-ST

Ngày 15- 11- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm

Ông Nguyễn Đức Kha

Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông Vũ Anh Tuấn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2018/TLST-HS ngày 25/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-HS ngày 25/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Giáp Văn T, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; có bố là ông Giáp Văn Đ, sinh năm 1952 (đã chết); có mẹ là bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1954; gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ 3; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị can bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 07/5/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Giáp Thị V- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư K- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh NLQ1, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. NLQ2, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị NLQ3, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh NLC1, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông NLC2, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 55 phút ngày 07/5/2018, tại quốc lộ 37 thuộc thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện Giáp Văn T, sinh năm 1982 ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang có mặt tại khu vực trên có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy, tổ công tác tiến hành kiểm tra, Giáp Văn T bỏ chạy và ném 01 (một) túi ni lon màu trắng đang cầm ở tay vào bên trong vỉa hè của đường ven khu Công nghiệp Đ, thuộc xã H, huyện V nhưng bị bắt giữ. Khi bị bắt Giáp Văn T thả xuống vỉa hè quốc lộ 37 nơi Giáp Văn T bị bắt 02 (hai) túi ni lon màu xanh. Tổ công tác tiến hành, kiểm tra và thu giữ:

+ Thu trên vỉa hè bên trái đường Quốc lộ 37 theo hướng từ ngã tư Đ đi quốc lộ 1A mới thuộc địa phận thôn H, xã H, huyện V, Bắc Giang 02 (hai) túi nilon màu xanh một đầu mỗi túi ni lon đều có rãnh khóa nhựa, bên trong hai túi nilon đều có chứa các viên nén màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên nén đều có chữ “WY” nghi là ma túy tổng hợp, được niêm phong bằng phong bì ký hiệu “QT1”.

+ Thu giữ tại bãi cỏ bên phải đường vành đai khu công nghiệp Đ hướng từ ngã tư Đ đi quốc lộ 1A mới thuộc địa phận thôn H, xã H, huyện V, Bắc Giang 01 (một) gói ni lon màu trắng được quấn bên ngoài bằng dây chun nịt màu cam, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng đục nghi là ma túy tổng hợp, được niêm phong bằng phong bì ký hiệu “QT2”.

Tổ công tác tiến hành vẽ hiện trường; chụp ảnh nơi thu giữ vật chứng nghi ma túy, lập biên bản niêm phong vật chứng và đưa Giáp Văn T cùng vật chứng về Công an xã H, huyện V lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Ngoài ra còn thu giữ của Giáp Văn T: 03 điện thoại di động, 01 bình xịt màu đen đã cắt đáy nhãn hiệu Waxx và 2.650.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Giáp Văn T, quá trình khám xét khẩn cấp thu giữ trong tủ đựng quần áo trên tầng 2 gồm: 20 túi ni lon, một đầu có rãnh khóa nhựa (trong đó 16 túi đường viên màu xanh), bên

trong 20 túi ni lon đều bám dính chất tinh thể màu trắng, nghi ma túy, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “KX”.

Kết luận giám định số 592/KL- PC54 ngày 10/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

+ Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT1” niêm phong ngày 07/5/2018 đã được niêm phong gửi giám định: 344 (ba trăm bốn mươi bốn) viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên nén đều có chữ “WY” đựng trong 02 (hai) túi ni lon màu xanh một đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa bằng nhựa đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 33,386 gam.

+ Trong 01 (một) phong bì có ghi ký hiệu “QT2” niêm phong ngày 07/5/2018 đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đục đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng, được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng và được quấn bên ngoài bằng dây chun nịt màu cam là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 179,2 gam.

+ Trong 01 (một) phong bì có ghi ký hiệu “KX” đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng bám dính trong 20 (hai mươi) túi ni lon màu trắng (trong đó có 16 (mười sáu) túi một đầu của mỗi túi có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh và 04 (bốn) túi một đầu của mỗi túi có rãnh khóa bằng nhựa) đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,199 gam.

Quá trình điều tra Giáp Văn T khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng, do không có việc làm nên Giáp Văn T hỏi Vũ Văn T, sinh năm 1979 ở thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang có quen biết ai để Giáp Văn T làm quen xin việc làm; T cho Giáp Văn T số điện của một người đàn ông tên là H nhà ở P, Thái Nguyên. Sau đó, Giáp Văn T liên lạc trao đổi với H thì được biết H có làm ăn liên quan đến ma túy, H có đặt vấn đề thuê Giáp Văn T đem ma túy giao cho khách của H, xong việc H trả tiền công, Giáp Văn T đồng ý.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/5/2018, khi Giáp Văn T đang cùng NLQ2, sinh năm 1989 ở cùng thôn với Giáp Văn T (là chú họ của Giáp Văn T) đang chơi ở thành phố Thái Nguyên thì nhận được điện thoại của H bảo chiều xuống khu vực Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang để H nhờ tý việc (Giáp Văn T hiểu là xuống vận chuyển ma túy). Khoảng 14 giờ cùng ngày, Giáp Văn T và NLQ2 về đến nhà Giáp Văn T ở thôn T, xã T, huyện L. Giáp Văn T điện thoại hỏi H số lượng ma túy vận chuyển là bao nhiêu thì H bảo 15 giờ 30 phút đến 16 giờ xuống Đ, số lượng nói sau. Sau khi điện cho H, Giáp Văn T điện thoại cho NLQ1, sinh năm 1986 ở cùng thôn (chú họ của Giáp Văn T) bảo NLQ1 lên nhà chờ Giáp Văn T đi thành phố Bắc Giang có việc. Khoảng 10-15 phút sau NLQ1 đi xe ô tô BKS 98A- 155.06 đến nhà T, NLQ1 để xe ngoài cổng đi vào trong nhà, T đang đứng ở trên cầu thang tầng 2 ném chiếc túi loại túi đựng chè Thái Nguyên bên trong đựng 01 bình xịt màu đen, đã cắt đáy nhãn hiệu Waxx, bảo NLQ1 cầm vào xe ô tô cho T. T khai mục đích mang bình xịt đi để đựng ma túy khi H đưa. Do NLQ2 cũng đi Bắc Ninh có việc nên T bảo NLQ1 đi xuống Đ, huyện V chờ đón T. Sau khi NLQ1 đi, T đi xe ô tô BKS 98A- 096.66

cùng NLQ2. Trên đường đi, T điện thoại cho H hỏi đang ở đâu, H bảo T đi đến cầu vượt Đ, rẽ vào quốc lộ 37 khoảng 500m, H đang đỗ xe ô tô ở rìa đường, loại xe Inova, bật xinh nhan. T bảo NLQ2 lái xe rẽ vào quốc lộ 37 theo chỉ dẫn của H, T nhìn thấy bên trái đường có xe ô tô Inova đang đỗ và bật xinh nhan, T nghĩ đó là xe của H nên bảo NLQ2 cho xuống xe. T xuống xe và đi bộ sang đường vào xe ô tô của H, (T khai không nhớ BKS), còn NLQ2 lái xe đi Bắc Ninh. T vào xe ô tô của H ngồi ghế phụ, H ngồi ghế lái, hàng ghế sau có một thanh niên nhưng T không quen biết. H bỏ ra 01 túi ni lon màu trắng đựng tinh thể màu trắng và 02 túi ni lon màu xanh, H bảo T cầm gói ma túy đá và hai túi ma túy hồng phiên đem ra đầu cầu vượt cao tốc sẽ có người điện cho T để lấy, T có hỏi H cầm bao nhiêu tiền về, H nói gói ma túy đá là 80 triệu đồng, ma túy hồng phiên là 20 triệu đồng nhưng không phải lấy tiền, người ta khác chuyên tiền cho H, xong việc H sẽ trả công sau, T đồng ý nhưng chưa cầm ma túy mà bảo H đưa sang bên kia đường để lấy đồ cất ma túy. H lái xe ô tô đưa T sang vị trí lúc đầu T xuống xe ô tô của NLQ2. T nhìn thấy xe NLQ1 đi đến, T xuống xe của H và sang xe của NLQ1, bảo NLQ1 đưa cho bình xịt T gửi trước đó và bảo NLQ1 đi ra chỗ nào đó chờ, tỳ đưa T về. T cầm chiếc bình xịt đi sang xe ô tô của H, mở cửa phụ lái và thò tay phải vào lấy gói ma túy đá và ma túy hồng phiên H đang để ở khe giữa ghế lái và ghế phụ, lấy ma túy xong T đóng cửa xe và đi về phía sau xe của H. Lúc này bình xịt T kẹp ở nách bên trái, tay phải cầm gói ma túy đá cho vào bình xịt, còn tay trái cầm điện thoại và 02 túi ma túy hồng phiên thì thấy có một xe máy trên xe có 02 người đi đến, T nghĩ là Công an nên bỏ chạy và ném túi nilon đựng ma túy đá về phía tường rào ven đường, chạy được một đoạn thì bị bắt giữ. Khi T bị bắt chiếc bình xịt và 02 túi ma túy hồng phiên cùng điện thoại đang cầm ở tay trái rơi xuống đất. Lực lượng Công an tiến hành thu giữ toàn bộ số ma túy nêu trên. (bút lục 116- 135; 138-139;144-148; 151-152)

Đối với số ma túy bám dính trong 20 túi ni lon thu giữ khi khám xét, T khai là các túi ni lon đựng ma túy tổng hợp dạng đá, mua về sử dụng từ tháng 5/2017 đến tháng 11/2017. T đã sử dụng hết số ma túy mua được, T không biết còn ma túy bám dính trong các túi ni lon, số túi ni lon này T để lại không có mục đích gì. Do thời gian đã lâu, nên T không nhớ đã mua số ma túy này của ai. Căn cứ lời khai và đặc điểm số ma túy thu giữ được, nhận thấy T không có ý thức tàng trữ số ma túy bám dính trong các túi ni lon thu giữ tại nhà, ma túy bám dính trong túi ni lon là ngoài sự kiểm soát của T, do vậy không xem xét xử lý T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngay sau khi bắt giữ T, lực lượng công an đã đưa NLQ1 về làm việc và tạm giữ của NLQ1: 01 xe ô tô BKS 98A- 155.06 cùng đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên NLQ1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung. Quá trình làm việc NLQ1 khai chỉ được T bảo xuống khu vực Đ đợi để đón T, không biết việc T có hành vi liên quan đến ma túy nên không phạm tội. Về vỏ túi, loại túi đựng chè Thái Nguyên đựng chiếc bình xịt T nhờ cầm hộ, NLQ1 đã vớt ra ngoài đường nơi NLQ1 đỗ xe chờ T. Cơ quan điều tra đã đưa NLQ1 đến vị trí chiếc túi và tiến hành thu giữ được. Chiếc xe ô tô tạm giữ của NLQ1, điều tra xác định là tài sản của Giáp Văn A, sinh năm 1988 ở thôn T, xã T, huyện L là em ruột của NLQ1, Giáp Văn A

ủy quyền cho NLQ1 nhận lại tài sản. Ngày 22/5/2018, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho NLQ1 các đồ vật, tài sản đã tạm giữ của NLQ1. (bút lục 160-175; 190)

Ngày 08/5/2018, Cơ quan điều tra triệu tập NLQ2 lên làm việc và tạm giữ của NLQ2 01 xe ô tô BKS 98A- 096.66. NLQ2 khai không biết T có hành vi phạm tội về ma túy nên không vi phạm pháp luật. Điều tra xác định xe ô tô BKS 98A- 096.66 là tài sản của NLQ2 không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 15/5/2018, Cơ quan điều tra quyết xử lý đồ vật, tài liệu trả lại chiếc xe ô tô trên cho NLQ2. (bút lục số 200-201; 205-214; 228)

Đối với người đàn ông tên H, T và T đều khai không biết địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra xác minh số điện thoại T khai của H nhưng không xác định được đối tượng này.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Giáp Văn T về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã trình bày: Bị cáo thừa nhận có hành vi phạm tội, xác nhận số ma túy cơ quan điều tra thu giữ khi bị bắt quả tang là đúng của bị cáo, tuy nhiên bị cáo thay đổi lời khai là mua ma túy về sử dụng, không vận chuyển thuê cho H để lấy tiền công. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là không đúng, bị cáo chỉ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Lý do bị cáo thay đổi lời khai tại phiên tòa so với tại cơ quan điều tra: Bị cáo kinh doanh quán hát karaoke, hay phải thức đêm, bị cáo mua ma túy về sử dụng để tỉnh táo. Bị cáo bỏ ra 70 triệu đồng để mua ma túy về sử dụng. Đề nghị giám định lại hàm lượng ma túy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX đã công bố lời khai của họ có trong hồ sơ vụ án.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giáp Văn T về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và đề nghị:

Áp dụng Điểm b Khoản 4 và Khoản 5 Điều 250, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo: Giáp Văn T 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2018. Phạt bổ sung bằng tiền 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Luật sư Giáp Thị V phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo: Về tội danh Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị tạm dừng phiên tòa để triệu tập anh NLQ2 đến phiên tòa làm rõ có việc bị cáo vay 50 triệu đồng của anh NLQ2 để mua ma túy của H không. Xác minh thêm lời khai của anh NLQ2. Do vậy, luật sư không đề nghị xem xét hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì về bài bào chữa của luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với ý kiến của luật sư và của bị cáo:

Căn cứ vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can có ghi âm, có sự tham gia của kiểm sát viên, luật sư, tại cơ quan điều tra bị cáo đều khai nhận đã có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy nhằm mục đích để hưởng lợi tiền công vận chuyển. Do vậy, tại phiên tòa hôm nay việc bị cáo thay đổi lời khai là không có cơ sở.

Về yêu cầu của bị cáo về giám định hàm lượng chất ma túy là không có cơ sở: căn cứ Thông tư liên tịch số 08 ngày 14/11/2015 thì chất ma túy thu giữ của bị cáo không thuộc trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng.

Về yêu cầu của luật sư tạm dừng phiên tòa để triệu tập anh NLQ2 là không cần thiết vì bị cáo khai vay của anh NLQ2 50 triệu đồng để mua ma túy của H, bị cáo đã trả tiền cho H. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tội danh đối với bị cáo, xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do tuy nhiên họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Giáp Văn T thừa nhận số ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bị bắt quả tang đúng là số ma túy H bán cho bị cáo, nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội vì bị cáo cho rằng khi bị bắt tinh thần hoảng loạn và do không hiểu biết pháp luật nên đã khai không đúng sự thật. Bị cáo mua ma túy về sử dụng không phải vận chuyển cho ai cả. Việc thay đổi lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là không có cơ sở, không phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ

Thông tư liên tịch số 08 ngày 14/11/2015 thì việc bị cáo yêu cầu giám định hàm lượng chất ma túy là không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào các biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận số vật chứng thu giữ được khi bắt quả tang Giáp Văn T; lời khai của những người làm chứng. Ngay sau khi bị bắt quả tang, tại các bản tự khai, các biên bản ghi lời khai, các biên bản hỏi cung bị can có ghi hình có âm thanh và có sự tham gia của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa, bị cáo Giáp Văn T đều khai nhận đã có hành vi vận chuyển trái phép ma túy nhằm mục đích để được hưởng tiền công vận chuyển thì bị bắt quả tang (BL 33-36, 115-156). Hồ sơ vụ án thể hiện trong quá trình làm việc với cơ quan điều tra từ lúc bị bắt cho tới nay bị cáo khai không bị ai đánh đập, ép buộc gì, toàn bộ lời khai do bị cáo tự nguyện khai. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 07/5/2018 bị cáo Giáp Văn T đã có hành vi vận chuyển 212,586 gam ma túy Methamphetamine nhằm mục đích để hưởng tiền công vận chuyển. Cáo trạng số 20 ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Giáp Văn T về tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" theo Điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện. Ma túy là hiểm họa của xã hội, là nguồn gốc phát sinh của nhiều tội phạm, có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, kinh tế, hạnh phúc của con người. Sử dụng trái phép chất ma túy có thể dẫn đến chết người, làm lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Giáp Văn T phạm tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" theo Điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Giáp Văn T không có tiền án, tiền sự.

Xét về nhân thân thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là lần phạm tội đầu tiên.

- Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: tại phiên tòa hôm nay bị cáo thay đổi lời khai cho rằng bị cáo không vận chuyển ma túy cho ai cả mà mua ma túy về sử dụng, tuy nhiên quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố là thương binh được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và

cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, để giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm về ma túy nói chung.

Xét về động cơ, mục đích phạm tội thấy: Bị cáo phạm tội với mục đích để hưởng tiền công vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng bị cáo chưa thu lợi được gì nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với số ma túy bám dính trong 20 túi ni lon thu giữ khi khám xét, T khai là các túi ni lon đựng ma túy tổng hợp dạng đá, mua về sử dụng từ tháng 5/2017 đến tháng 11/2017. T đã sử dụng hết số ma túy mua được, T không biết còn ma túy bám dính trong các túi ni lon, số túi ni lon này T để lại không có mục đích gì. Do thời gian đã lâu, nên T không nhớ đã mua số ma túy này của ai. Căn cứ lời khai và đặc điểm số ma túy thu giữ được, nhận thấy T không có ý thức tàng trữ số ma túy bám dính trong các túi ni lon thu giữ tại nhà, ma túy bám dính trong túi ni lon là ngoài sự kiểm soát của T, do vậy không xem xét xử lý T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Quá trình làm việc NLQ1 khai chỉ được T bảo xuống khu vực Đ đợi để đón T, không biết việc T có hành vi liên quan đến ma túy nên không phạm tội. Chiếc xe ô tô tạm giữ của NLQ1, điều tra xác định là tài sản của Giáp Văn A, sinh năm 1988 ở thôn T, xã T, huyện L là em ruột của NLQ1, Giáp Văn A ủy quyền cho NLQ1 nhận lại tài sản. Ngày 22/5/2018, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho NLQ1 các đồ vật, tài sản đã tạm giữ của NLQ1. (*bút lục 160-175; 190*)

NLQ2 khai không biết T có hành vi phạm tội về ma túy nên không vi phạm pháp luật. Điều tra xác định xe ô tô BKS 98A- 096.66 là tài sản của NLQ2 không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 15/5/2018, Cơ quan điều tra quyết xử lý đồ vật, tài liệu trả lại chiếc xe ô tô trên cho NLQ2. (*bút lục số 200-201; 205-214; 228*)

Đối với người đàn ông tên H, T và T đều khai không biết địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra xác minh số điện thoại T khai của H nhưng không xác định được đối tượng này.

[6] Về xử lý vật chứng:

Số ma túy thu giữ là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động màu đen, viền đỏ, hiệu Masstel có số Imei1: 352121081293548 và Imei2: 352121081293555, máy bị bật nắp phía sau, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng dùng để liên lạc thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu Iphone, số Imei: 013629006304290, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và số tiền 2.650.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho chị NLQ3 (sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn 2, N, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang) 01 (một) điện thoại di động màu trắng hiệu Oppo, số Imei1:

861485030671235, Imei2: 861485030671227, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng vì là tài sản riêng của chị NLQ3 không liên quan đến việc phạm tội.

[7] Về án phí: bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Giáp Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015; khoản 2 Điều 135, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: bị cáo Giáp Văn T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 07/5/2018. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[2] Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: một phong bì có ký hiệu “QT1” được đóng dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân Phú và Tạ Anh Hào, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; một phong bì có ký hiệu “QT2” được đóng dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân P và Tạ Anh H, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; một phong bì có ký hiệu “KX” được đóng dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và chữ ký cùng tên của Hoàng Xuân P và Tạ Anh H, bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; một phong bì có ký hiệu “NLQ1” được đóng dấu đỏ của Công an xã H, huyện V và chữ ký cùng tên của Lê Văn H, Lê Văn T, NLC2, NLQ1, Tạ Anh H; một hộp bìa cat tông ký hiệu “QT3” có chữ Tiger màu vàng và nhiều chữ khác, được đóng dấu niêm phong của Công an xã H và chữ ký cùng tên của Phạm Văn Đ, Phạm Văn T, Lê Văn T, NLC2, Giáp Văn T.

- Đối với 01 điện thoại di động màu đen, viền đỏ, hiệu Masstel có số Imei1: 352121081293548 và Imei2: 352121081293555, máy bị bật nắp phía sau, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng dùng để liên lạc thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu Iphone, số Imei: 013629006304290, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và số tiền 2.650.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại cho chị NLQ3 (sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn 2, N, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang) 01 (một) điện thoại di động màu trắng hiệu Oppo, số Imei1:

861485030671235, Imei2: 861485030671227, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

[3] Án phí: Bị cáo Giáp Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung